TƯ TƯỞNG HÒA HỢP TRONG PHẬT GIÁO VIỆT NAM: TỪ TRIẾT LÝ GIẢI THOÁT ĐẾN GIÁ TRỊ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

HỒ SỸ LẬP
Học viện Chính trị Khu vực I

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 30/9/2026. Duyệt đăng 05/10/2026.

Abstract

Throughout the history of Vietnamese thought, the close relationship between Buddhism and the nation has transcended the boundaries of a purely religious phenomenon to become an enduring feature of national development. This article systematizes the humanistic and progressive values of Buddhist philosophy, particularly the Six Principles of Harmony and Dependent Origination, through the lens of dialectical materialism. It thereby clarifies the organic relationship between religious faith and patriotism. A proper understanding of the idea of harmony provides a scientific basis for affirming that Buddhism constitutes an integral component of the unified yet diverse culture of Vietnam's multiethnic community.

Keywords: *Great national unity, harmony, philosophy of liberation, Vietnamese Buddhism.*

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại, hòa hợp luôn là khát vọng, là mục tiêu hướng tới của mọi quốc gia, dân tộc. Phật giáo ngay sau khi du nhập vào Việt Nam đã không tồn tại tách biệt mà hòa quyện chặt chẽ vào đời sống tâm linh của người Việt. Tư tưởng "Lục hòa" hay "Từ bi" của Phật giáo đã gặp gỡ và cộng hưởng với tinh thần "tương thân tương ái", "bầu ơi thương lấy bí cùng" của dân tộc, tạo nên một bản sắc văn hóa hòa bình, bao dung, hòa hợp. Dưới góc độ nghiên cứu văn hóa và lịch sử tư tưởng, sự hòa quyện giữa triết lý Phật giáo và đạo lý dân tộc Việt Nam không phải là sự gượng ép hay đồng hóa khiên cưỡng, mà là quá trình bản địa hóa tự nhiên dựa trên nền tảng đồng điệu về giá trị nhân văn. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo, nhưng việc phân tích chuyên sâu mối quan hệ hữu cơ giữa tư tưởng hòa hợp tự thân của Phật giáo với giá trị đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới vẫn cần được làm rõ hơn. Điều này giúp cung cấp luận cứ khoa học cho việc phát huy vai trò của các tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Đặc biệt, trong bối cảnh thế giới đương đại đang đối mặt với những biến động phức tạp của xu thế toàn cầu hóa, sự xung đột về lợi ích, sắc tộc và tôn giáo, thì việc tìm về những giá trị văn hóa, tư tưởng mang tính gắn kết trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Về mặt thực tiễn, trong bối cảnh các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng vấn đề "dân chủ, nhân quyền, tôn giáo" để thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, nghiên cứu này trở thành một yêu cầu khách quan để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nghiên cứu mang lại giá trị thực tiễn cao khi khẳng định Phật giáo là một nguồn lực xã hội quan trọng, đóng vai trò là "chất xúc tác" giúp tăng cường sự đồng thuận xã hội và hóa giải các nguy cơ xung đột sắc tộc, tôn giáo. Nghiên cứu chỉ ra rằng, tinh thần hòa hợp Phật giáo chính là tiền đề tâm lý để củng cố "thế trận lòng dân", tạo nên sức mạnh nội sinh thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Kết quả của bài viết sẽ là luận cứ sắc bén giúp các cơ quan quản lý nhà nước hoàn thiện chính sách tôn giáo, phát huy tối đa vai trò của các tổ chức tôn giáo trong việc xây dựng một xã hội văn minh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc bản sắc văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên mới.

Email: hosylap90@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư tưởng hòa hợp trong Phật giáo

Tư tưởng hòa hợp trong Phật giáo thể hiện qua nhiều yếu tố, trong đó, triết lý Duyên khởi, phép Lục hòa, tinh thần từ bi - hỷ xả mang lại những góc nhìn rất gần gũi với đời sống văn hóa của người Việt Nam.

Theo *triết lý Duyên khởi*, duyên khởi nghĩa là sự sinh khởi do duyên. Quy luật này được tóm tắt qua mệnh đề kinh điển: *"Cái này có thì cái kia có; cái này sinh thì cái kia sinh. Cái này không có thì cái kia không có; cái này diệt thì cái kia diệt."* Không có bất kỳ vật thể, hiện tượng hay cá nhân nào có thể tự sinh ra và tồn tại độc lập hoàn toàn. Như một cái cây cần đất, nước, ánh sáng và người gieo trồng thì đồng thời, một con người cần không khí, thức ăn, tri thức và cộng đồng để tồn tại. Do vậy, ý nghĩa của triết lý này là phủ nhận "Cái tôi biệt lập". Theo đó khái niệm "cái tôi" độc lập chỉ là một ảo tưởng do nhận thức tạo ra. Bản thể con người là tập hợp của Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) luôn biến dịch và phụ thuộc vào các điều kiện bên ngoài. Nội hàm thứ hai của câu nói chính là bước chuyển quan trọng từ nhận thức luận sang thực hành đạo đức và xã hội. Nó xóa bỏ ranh giới "tôi" và "không phải tôi". Khi nhận ra không có cái tôi biệt lập, ranh giới cứng nhắc giữa bản thân và thế giới xung quanh sẽ tan biến. Hạnh phúc hay khổ đau của người khác không còn là "việc riêng của họ", vì những hành động và năng lượng từ người khác đều tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến chính ta. Do đó, hiểu để thương, để cảm thông và đặt mình vào vị trí của người khác. Duyên khởi chỉ ra rằng mọi hành vi hay hoàn cảnh của một người đều do vô số điều kiện (quá khứ, môi trường, giáo dục, tâm lý) hình thành nên. Nhìn thấy chuỗi nguyên nhân - kết quả đó giúp ta bớt phán xét và dễ thông cảm hơn.

Khi nhận ra sự tương thuộc, hành động giúp đỡ người khác chính là tự giúp mình. Tình thương lúc này không còn dựa trên sự trao đổi sòng phẳng mà xuất phát từ sự thấu hiểu tự nhiên. Khuyến khích tinh thần hợp tác, trách nhiệm cộng đồng và sự bao dung giữa các cá nhân, nhóm người hay quốc gia. Triết lý duyên khởi còn mở rộng sự gắn kết sang cả tự nhiên. Con người không phải là chủ nhân thống trị trái đất mà là một phần trong mạng lưới sinh thái tương thuộc. Ý niệm trên không chỉ là một lý thuyết triết học cổ xưa mà là chìa khóa giải quyết nhiều khủng hoảng hiện đại, từ sự cô lập tinh thần của cá nhân đến các xung đột xã hội và biến đổi khí hậu.

Lục hòa (sáu phép hòa kính): Nếu triết lý Duyên khởi là cái nhìn bản thể luận giúp nhận diện bản chất tương thuộc của vũ trụ và con người, thì Lục hòa chính là sự cụ thể hóa tư tưởng ấy thành quy tắc ứng xử mẫu mực nhằm xây dựng và duy trì sự ổn định bền vững trong một cộng đồng. Sự vận hành của Lục hòa đi từ biểu hiện vật chất bên ngoài đến thế giới tinh thần bên trong, tạo thành một hệ thống quản trị cộng đồng toàn diện và chặt chẽ. *Thân hòa đồng trú* (sống chung hòa hợp), *khẩu hòa vô tranh* (lời nói hòa nhã, không tranh cãi), ý hòa đồng duyệt (tâm ý hòa hợp, cùng vui vẻ), *kiến hòa đồng giải* (chia sẻ góc nhìn, hiểu biết), *giới hòa đồng giải* (cùng tuân thủ nguyên tắc, kỷ luật), *lợi hòa đồng quân* (chia sẻ quyền lợi, tài nguyên). Sáu nguyên tắc này tạo nên một cấu trúc kiềng ba chân vững chắc bao gồm: môi trường vật chất - hành vi ứng xử - đồng thuận tư tưởng. Nhờ giải quyết tận gốc các nguyên nhân gây xung đột từ hành vi từ bên ngoài đến suy nghĩ bên trong, *Lục hòa* không chỉ giữ vai trò là kim chỉ nam cho các tập thể Tăng đoàn truyền thống mà còn trở thành triết lý quản trị ứng xử vượt thời gian, giúp mọi tổ chức, gia đình và xã hội hiện đại duy trì sự hòa hợp, đoàn kết và phát triển ổn định. Bởi vì xét cho cùng, *Tất cả mọi nghịch thuyết đều có thể dung hòa* (Nguyễn Duy Cần, 1997, tr.213).

Tinh thần Từ bi - Hỷ xả chính là động lực để xóa bỏ hận thù, tạo dựng sự đồng thuận xã hội. Tứ vô lượng này đóng vai trò là nguồn động lực nội tâm chuyển hóa sâu sắc, giúp xóa bỏ hận thù và xây dựng sự đồng thuận xã hội bền vững. Khi được thực hành trong đời sống cộng đồng, Từ và Bi xoa dịu những tổn thương, chuyển hóa đối đầu thành sự thấu hiểu; Hỷ xóa tan ranh giới phân biệt và mâu thuẫn ích kỷ; trong khi Xả cởi buộc những vướng mắc hận thù tích tụ qua thời gian. Không chỉ dừng lại ở góc độ đạo đức cá nhân, Tứ vô lượng tâm chính là động lực cốt lõi để giải tỏa các xung đột xã

hội, chữa lành những vết thương lịch sử và thắt chặt tình đoàn kết. Nhờ đó, con người vượt qua cái tôi hẹp hòi để đối thoại, bao dung và tìm kiếm tiếng nói chung, từ đó tạo dựng một xã hội hòa hợp, đồng thuận và phát triển trong sự an lạc tự thân.

2.2. Giá trị tư tưởng hòa hợp của Phật giáo trong dòng chảy lịch sử Việt Nam

2.2.1. Sự dung hợp Tam giáo (Nho - Phật - Đạo)

Các tôn giáo này khi được du nhập vào Việt Nam đã được người Việt bản địa hóa, lựa chọn sự tinh hoa của tôn giáo, vận dụng uyển chuyển, không bài trừ cái khác biệt để tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Trong đời sống, người Việt luôn có những ứng xử hết sức mềm dẻo, linh hoạt: "Lúc gặp thời thì dựa vào đạo Nho, lúc thất thế thì dựa vào đạo Lão – Trang, lúc éo le khốn khó thì dựa vào đạo Phật" (Nguyễn Tài Thư, 1993, tr.93). Nhờ đó, tinh thần cứu khổ của Phật giáo được lựa chọn để giúp con người ta vượt qua mọi khó khăn. Dù là những khó khăn thường nhật như lẽ tự nhiên hay lúc hiểm nguy của nạn ngoại xâm thì con người vẫn luôn biết cách đối mặt, vượt qua. "Đủ tỏ trong tinh thần Phật Giáo Việt Nam sẵn có cả một sức mạnh tích cực luôn luôn dung hòa phối hợp phương diện siêu nhiên với phương diện hiện thực của đời sống toàn diện" (Nguyễn Đăng Thục, 1974, tr. 11). Lịch sử phát triển của Phật giáo Việt Nam, vì thế là một quá trình tiếp nhận, điều chỉnh, bổ sung liên tục để phù hợp với bối cảnh của từng thời kỳ cụ thể.

2.2.2. Đặc điểm "Dân tộc hóa"

Phật giáo Việt Nam không tồn tại như một tôn giáo biệt lập hay siêu nhiên, mà luôn bén rễ vào đời sống lịch sử và tinh thần của dân tộc, thể hiện rõ nét qua đặc điểm "dân tộc hóa" mà đỉnh cao là tư tưởng Phật giáo quốc gia. Ngay từ khi du nhập, Phật giáo đã nhanh chóng hòa quyện với tín ngưỡng bản địa, biến các giá trị từ bi, trí tuệ và bình đẳng thành chất keo kết nối cộng đồng. Trong suốt chiều dài lịch sử, ngay từ thời kỳ Bắc thuộc, nhờ những triết lý gần gũi của mình, tinh thần của Phật giáo đã được vận dụng trong việc tập hợp sức mạnh, trở thành chiến lược: "...và đây cũng là lần đầu tiên lời kêu gọi đoàn kết đã chính thức được đưa vào kinh điển và chắc chắn được tuyên truyền rộng rãi trong giới Phật giáo. Ta đã thấy người Phật giáo trong giai đoạn này từ Lý Nam Đế cho đến Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử đã chính thức đứng ra gánh vác trách nhiệm trước dân tộc và đạo pháp" (Lê Mạnh Thát, 2001, tr.657). Đặc biệt, dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, tư tưởng Phật giáo quốc gia phát triển rực rỡ khi các vị cao tăng không chỉ đóng vai trò cố vấn triều chính, hoạch định đường lối kiến quốc mà còn trực tiếp tham gia bảo vệ độc lập dân tộc. Tinh thần "nhập thế" ấy được đúc kết trọn vẹn qua hình ảnh Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập, nơi giáo lý Phật giáo trở thành triết lý sống, tư tưởng đại đoàn kết và ngọn cờ tinh thần giúp quân dân Đại Việt đánh tan giặc ngoại xâm. Không dừng lại ở thời kỳ phong kiến, bước sang giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước hiện đại, Phật giáo Việt Nam tiếp tục khẳng định phương châm "Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội", đồng hành cùng nhân dân trong mọi biến cố lịch sử. Chính sự gắn kết hữu cơ giữa mệnh trời, vận nước và nghiệp Phật đã giúp Phật giáo Việt Nam không chỉ là một tôn giáo, mà trở thành một thành tố cốt lõi trong bản sắc văn hóa và sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam.

2.3. Giá trị của tư tưởng hòa hợp Phật giáo đối với khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.3.1. Hòa hợp tôn giáo

Tinh thần hòa hợp Phật giáo Việt Nam thể hiện rõ nét qua vai trò cầu nối, thúc đẩy sự đối thoại và chung sống hòa bình giữa các tôn giáo khác nhau trong cộng đồng dân tộc. Xuất phát từ triết lý "Từ bi - Trí tuệ" và tinh thần "Vô chấp", Phật giáo mang bản chất cởi mở, khoan dung, không đặt ra sự đối kháng hay bài xích khắt khe về mặt tín ngưỡng. Tiếp nối truyền thống "Tam giáo đồng nguyên" vốn đã ăn sâu vào lịch sử tư tưởng dân tộc, Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hiện đại tiếp tục phát huy tinh thần hòa hợp bằng việc chủ động mở rộng không gian giao lưu, đối thoại liên tôn với Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo và Hồi giáo. Tinh thần kết nối này không dừng lại ở các diễn đàn lý thuyết mà được cụ thể hóa sinh động qua các hoạt động an sinh xã hội, cứu trợ thiên tai và bảo vệ môi trường, nơi tín đồ các tôn giáo cùng vai sát cánh vì lợi ích chung của nhân sinh. Chính ứng xử ôn hòa cùng vai trò cầu nối tích

cực của Phật giáo đã góp phần triệt tiêu nguy cơ xung đột tôn giáo từ gốc rễ, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc và duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển lâu dài của đất nước.

2.3.2. Gắn kết giữa cá nhân và cộng đồng

Bên cạnh giá trị hòa hợp tôn giáo, Phật giáo Việt Nam còn thể hiện vai trò sâu sắc trong việc gắn kết giữa cá nhân và cộng đồng, thông qua việc khuyến khích lối sống vị tha, trách nhiệm với xã hội và giảm thiểu các xung đột lợi ích cá nhân. Dựa trên tinh thần "Vô ấp", "Vô vị kỷ" và quy luật "Nhân quả - Duyên khởi", giáo lý Phật giáo hướng con người nhận thức rõ rằng sự tồn tại và hạnh phúc của mỗi cá nhân luôn nằm trong mối quan hệ tương hỗ, không thể tách rời khỏi sự an lạc của cộng đồng. Chính nhận thức này là nền tảng để chuyển hóa lối sống vị kỷ, hẹp hòi thành tinh thần vị tha, biết sẻ chia và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng. Khi mỗi cá nhân biết làm chủ ham muốn, tiết chế lòng tham và nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội, các điểm nóng mâu thuẫn hay xung đột về lợi ích kinh tế, địa vị trong đời sống cộng đồng sẽ tự động được xoa dịu và giảm thiểu từ gốc rễ. Trong bối cảnh xã hội hiện đại nhiều biến động, lối sống hướng thiện và tinh thần phụng sự nhân sinh này không chỉ giúp hoàn thiện nhân cách mỗi cá nhân, mà còn tạo nên chất keo gắn kết bền chặt, củng cố sự hòa hợp và bảo đảm tính bền vững cho cộng đồng.

Không chỉ dừng lại ở cấp độ cá nhân và cộng đồng, giá trị hòa hợp của Phật giáo Việt Nam còn vươn lên tầm chiến lược khi góp phần củng cố "*thế trận lòng dân*", thông qua sự tương đồng sâu sắc với chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh nội sinh để phát triển đất nước. Tinh thần "Hòa hợp", "Bình đẳng" của Phật giáo khi gặp gỡ tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đại đoàn kết dân tộc đã tạo nên một sự đồng điệu tự nhiên, bền chặt giữa đạo và đời. Hồ Chí Minh từng nói "Tôi mong các Hòa thượng, Tăng Ni và Phật tử hãy tích cực thực hiện tinh thần Từ bi, Vô ngã, Vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo để cùng toàn dân sống trong Độc lập, Tự do, Hạnh phúc" (Thích Đức Nghiệp, 1995, tr. 321-322).

Đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là chiến lược chính trị cốt lõi của Đảng và Nhà nước Việt Nam, mà còn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước. Sức mạnh của khối đại đoàn kết được bồi đắp từ sự giao thoa, kết tinh giữa truyền thống yêu nước nồng nàn với các hệ giá trị tư tưởng, tôn giáo tiến bộ. Trong đó, Phật giáo với tư cách là tôn giáo có lịch sử đồng hành cùng dân tộc Việt Nam hàng ngàn năm, đã đóng góp một nền tảng triết lý hòa hợp vô cùng sâu sắc. Tinh thần hòa hợp của Phật giáo cần được khai thác để đẩm bảo lợi ích tối đa cho người Việt. Như chủ trương của Đảng và Nhà nước đã được thể hiện qua các văn bản, cụ thể: "Đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc là yêu cầu quan trọng của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 66).

3. Một số giải pháp phát huy giá trị hòa hợp Phật giáo hiện nay

Để chuyển hóa tư tưởng hòa hợp Phật giáo từ các nguyên lý kinh điển thành nguồn lực thực tiễn, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay, việc triển khai các giải pháp mang tính hệ thống, khả thi và có cơ sở khoa học là đòi hỏi cấp thiết. Cụ thể:

3.1. Nâng cao vai trò chủ thể của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc hiện đại hóa và lan tỏa tinh thần "Lục hòa kính" vào đời sống xã hội

Tôn giáo chỉ có thể phát huy vai trò tích cực khi các giá trị đạo đức của nó được đại chúng hóa và hiện thực hóa thông qua tổ chức đại diện hợp pháp. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đóng vai trò là "chiếc cầu nối" trực tiếp giữa giáo lý Phật đà với cộng đồng Tăng Ni, Phật tử. Giáo hội cần tiếp tục đổi mới phương thức truyền giảng, đưa các triết lý như *Lục hòa* (hòa hợp trong hành động, lời nói, tư tưởng, lợi ích) hay *Tứ nhiếp pháp* (*Bố, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự*) trở thành những quy tắc ứng xử dễ hiểu, dễ thực hành. Cùng với đó là cần nâng cao chất lượng của đội ngũ tri thức Phật giáo trong bối cảnh hiện

nay. Bất cứ một xã hội nào muốn phát triển đều phải dựa trên con người. Con người theo quan điểm của Phật giáo là chủ đề xã hội. Song, không chỉ có vậy, muốn làm tốt vai trò của thể xã hội con người phải có trí tuệ và phẩm hạnh. Đức Phật và giáo lý đạo Phật lấy con người làm vị trí trung tâm để quán vị thế giới và làm chủ thế giới. Các đệ tử thấm nhuần lời dạy của Đức Phật phải biết nương tựa vào chính mình, không được dựa dẫm vào các thế lực nào khác. Muốn vậy, con người phải có trí tuệ, lấy trí tuệ làm sự nghiệp của mình theo một phương châm: Duy Tuệ thị nghiệp (Nguyễn Hồng Dương, 2014). Khi Giáo hội hướng dẫn Phật tử tham gia tích cực vào các hoạt động từ thiện, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, tinh thần hòa hợp sẽ không dừng lại ở khẩu hiệu mà trở thành hành động thực tiễn, góp phần giảm bớt gánh nặng cho Nhà nước và tăng cường sự gắn kết cộng đồng.

3.2. Tích hợp các giá trị nhân văn, triết lý "Duyên khởi" của Phật giáo vào hệ thống giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ

Thế hệ trẻ trong kỷ nguyên số đang đối mặt với nguy cơ "khủng hoảng giá trị", lối sống vị kỷ và sự suy vi đạo đức do tác động của thông tin đa chiều. Triết lý *Duyên khởi* của Phật giáo cung cấp một thế giới quan khoa học về mối quan hệ tương hỗ (*Thử sinh cố bỉ sinh* - Cái này có thì cái kia có), giúp con người nhận thức rõ sự tồn tại của bản thân luôn gắn liền với cộng đồng và môi trường sinh thái. Việc đưa các giá trị hòa hợp, tính bao dung và tinh thần trách nhiệm cộng đồng của Phật giáo (dưới dạng văn hóa truyền thống dân tộc) vào các chương trình giáo dục kỹ năng sống, giáo dục công dân hay các hoạt động trải nghiệm tâm lý sẽ giúp giới trẻ hình thành "sức đề kháng văn hóa", giúp định hình nhân cách sống có trách nhiệm, biết tôn trọng sự khác biệt mà còn trực tiếp triệt tiêu mầm mống của bạo lực học đường và sự vô cảm xã hội.

3.3. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để phát huy nguồn lực xã hội của Phật giáo

Hoạt động tôn giáo luôn nằm trong sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nếu chính sách pháp luật cởi mở, minh bạch và đúng đắn, tiềm năng to lớn về cơ sở vật chất, tri thức và tinh thần của Phật giáo sẽ được giải phóng, đóng góp trực tiếp vào sự phát triển chung của đất nước theo đúng tinh thần Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Phật giáo tham gia xã hội hóa các lĩnh vực như giáo dục mầm non, bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và cứu trợ thiên tai. Sự phối hợp chặt chẽ, tin cậy giữa cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức tôn giáo chính là minh chứng sinh động cho sự hòa hợp giữa Đạo pháp và Dân tộc, củng cố sự đồng thuận xã hội trên nền tảng pháp luật.

3.4. Chủ động nhận diện, kiên quyết đấu tranh phản bác các âm mưu lợi dụng tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Khối đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu chống phá hàng đầu của các thế lực thù địch thông qua chiến lược diễn biến hòa bình. Việc bảo vệ tinh thần hòa hợp Phật giáo cũng chính là bảo vệ an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia. Cần xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa lực lượng chức năng, Giáo hội Phật giáo và các cơ quan truyền thông nhằm chủ động cung cấp thông tin chính thống, làm rõ bản chất hòa hợp, yêu nước của Phật giáo Việt Nam. Việc đập tan các luận điệu xuyên tạc, lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng để kích động xung đột sắc tộc, tôn giáo không chỉ giữ vững sự ổn định trị an mà còn bảo vệ tính thuần khiết của giáo lý Phật giáo, góp phần giữ vững thế trận lòng dân vững chắc trong tình hình mới.

4. Kết luận

Tư tưởng hòa hợp trong Phật giáo Việt Nam không chỉ dừng lại ở một học thuyết giải thoát tâm linh thuần túy, mà đã vượt lên để trở thành di sản văn hóa phi vật thể vô giá, một nguồn lực tinh thần bền vững trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Được kiến tạo trên nền tảng triết lý *Duyên khởi*, nguyên lý *Lục hòa kính* và tinh thần *Từ bi - Vô ngã*, tư tưởng hòa hợp Phật giáo đã nhanh chóng "bắt nhịp" và cộng

hưởng sâu sắc với truyền thống "tương thân tương ái", "bầu ơi thương lấy bí cùng" của dân tộc Việt Nam. Qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt là đỉnh cao thời Lý - Trần với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Phật giáo đã chứng minh tinh thần nhập thế dấn thân "Hộ quốc an dân", đóng vai trò là chất keo kết dính, quy tụ lòng dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh đương đại, khi đất nước bước vào kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế sâu rộng, các giá trị đạo đức truyền thống đang đứng trước những thách thức lớn từ lối sống vị kỷ và nguy cơ đứt gãy văn hóa. Nhận diện và phát huy tư tưởng hòa hợp Phật giáo chính là việc khơi thông một nguồn lực nội sinh quan trọng, góp phần hóa giải các xung đột xã hội, định hướng hành vi con người và chữa lành các vết thương tinh thần. Sự hòa hợp này củng cố trực tiếp cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc - sợi chỉ đỏ quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Khối đại đoàn kết dân tộc hôm nay không chỉ được bảo đảm bằng chính sách, pháp luật của Nhà nước, mà còn được nuôi dưỡng, củng cố bởi hệ giá trị tâm linh và chuẩn mực đạo đức tiến bộ của Phật giáo. Việc tiếp tục nghiên cứu, hiện đại hóa và lan tỏa tinh thần hòa hợp Phật giáo chính là giải pháp thiết thực để củng cố thế trận lòng dân, đập tan mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch. Qua đó, Phật giáo tiếp tục khẳng định sứ mệnh lịch sử: luôn đồng hành cùng dân tộc, đóng góp tích cực vào mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" và phát triển bền vững trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV* (tập 2). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Lê Mạnh Thát (2001). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 2). NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Duy Cần (1997). *Phật học tinh hoa*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Đăng Thục (1974). *Phật giáo Việt Nam* (Xuất bản lần thứ nhất). NXB Mặt Đất.

Nguyễn Hồng Dương (2014). Phật giáo Việt Nam với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong Thích Nhật Từ, Trương Văn Chung và Nguyễn Công Lý (Chủ biên), *Phật giáo với các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Tài Thư (1993). *Lịch sử tư tưởng Việt Nam* (tập 1). NXB Khoa học Xã hội.

Thích Đức Nghiệp (1995). Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam. Trong *Đạo Phật Việt Nam*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.